

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/DS-PT

Ngày: 09/ 7/ 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Trang

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Xuân và bà Trần Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận: ông Nguyễn Hồng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/DS-ST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 48/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T .

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Y trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên bà có cho bà Nguyễn Thị Lệ T vay nhiều lần tiền, hiện còn nợ 32.000.000 đồng theo các giấy vay nợ cụ thể:

- Giấy cho mượn tiền ghi ngày 14/7/2021 số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng, kể từ ngày 14/7/2021 đến 13/8/2021. Số tiền này bà Y cho bà T mượn chứ không phải cho vay. Bà T chưa trả cho bà Y nên bà Y yêu cầu bà T trả nợ

gốc 10.000.000 đồng, lãi tính từ tháng 9/2021 cho đến tháng liền kề của tháng Tòa án xét xử theo lãi suất Ngân hàng N.

- Giấy cho mượn tiền ghi ngày 11/7/2021 có nội dung bà Phan Ngọc Á mượn của bà Y 5.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng từ ngày 11/7/2021 đến ngày 10/8/2021, bà Á có ký và ghi họ tên bên người mượn tiền. Theo bà T xác nhận số tiền này bà Á đứng tên mượn giùm cho bà T và bà T có trách nhiệm trả cho bà Á, khoản tiền này khi bà Y giao tiền cho bà Á có mặt bà T chứng kiến và bà T là người trực tiếp nhận tiền này từ bà Y. Số tiền này bà Y cho bà Á mượn, có sự đồng ý cam kết chịu trách nhiệm trả nợ của bà T nên bà Y cho mượn. Hiện nay bà Á với bà T chưa trả cho bà Y nên bà Y yêu cầu bà T trả nợ gốc 5.000.000 đồng, lãi tính từ tháng 9/2021 cho đến tháng liền kề của tháng Tòa án xét xử theo lãi suất Ngân hàng N.

- Giấy cho mượn tiền ghi ngày 07/7/2021 số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng từ ngày 07/7/2021 đến ngày 06/8/2021. Hiện nay bà T chưa trả cho bà Y nên bà Y yêu cầu bà T trả nợ gốc 5.000.000, lãi tính từ tháng 9/2021 cho đến tháng liền kề của tháng Tòa án xét xử theo lãi suất Ngân hàng N.

- Giấy mượn tiền nợ huê ghi ngày 26/6/2019 số tiền 12.000.000 đồng, ở phần người viết giấy mượn tiền có chữ ký, chữ viết của bà T. Số tiền này bà Y cho bà T mượn chứ không phải nợ tiền huê. Hiện nay bà T chưa trả cho bà Y nên bà Y yêu cầu bà T trả nợ gốc 12.000.000 đồng, lãi tính từ 7/2019 cho đến tháng liền kề của tháng Tòa án xét xử theo lãi suất Ngân hàng N. Về giấy đầu đề có ghi giấy mượn tiền nợ huê là khi bà T đến mượn tiền bà Y hết mẫu giấy cho mượn tiền nên bà Y lấy giấy có đầu đề giấy cho mượn nợ tiền huê ghi tạm thời.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T trình bày:

Theo đơn bà Nguyễn Thị Kim Y kiện bà còn nợ của bà Y 32.000.000 đồng là không đúng, thực tế bà chỉ còn nợ của bà Y 10.000.000 đồng là khoản nợ của giấy mượn tiền ngày 14/7/2021.

Khi thỏa thuận cho vay lãi suất trả hàng ngày cứ 10.000.000 đồng hàng ngày bà đã trả lãi cho bà Y 100.000 đồng, trả cho đến khi nào trả hết nợ gốc. Trong giấy ghi đầu đề là “giấy cho mượn tiền” và số tiền nợ này bà đã trả lãi được 3 tháng với số tiền lãi đã trả là 9.000.000 đồng còn số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng chưa trả. Nay bà đồng ý trả nợ gốc số tiền 10.000.000 đồng, còn các khoản nợ khác bà đã trả hết. Giữa bà và bà Y có thỏa thuận khi hai bên thanh toán xong khoản trả lãi và trả hết nợ gốc thì bà Y giao trả cho bà chứng minh nhân dân photo, sổ hộ khẩu photo và giấy mượn tiền bản chính xé bỏ để xác nhận đã trả hết nợ.

Về việc trả lãi hàng ngày thì bà trực tiếp trả cho bà Y, bà Y nhận chứ bà với bà Y không lập biên bản giao nhận tiền và không viết giấy giao nhận lưu lại.

Theo giấy vay nợ bà **Y** nộp tại Tòa án, bà xác nhận có vay và hiện còn nợ các khoản cụ thể như sau:

- Giấy cho mượn tiền ghi ngày 14/7/2021 số tiền 10.000.000 đồng, chưa trả.

- Giấy cho mượn tiền ghi ngày 07/7/2021 số tiền 5.000.000 đồng và Giấy cho mượn tiền ghi ngày 11/7/2021 số tiền 5.000.000 đồng. Khoản nợ này **T** và bà **Á** cùng đi đến nhà bà **Y**, bà đã đưa 5.000.000 đồng cho bà **Á** trả khoản nợ 5.000.000 đồng ngày 11/7/2021 và bà trả nợ 5.000.000 đồng ngày 07/7/2021 cho bà **Y**. Hai khoản nợ này bà đã trả hết gốc và lãi cho bà **Y** nhưng do bà nhiều công việc nên khi trả hết nợ bà quên yêu cầu bà **Y** giao trả cho bà chứng minh nhân dân photo, sổ hộ khẩu photo, giấy mượn tiền bản chính để xé bỏ và để xác nhận là đã trả hết nợ. Về khoản tiền này bà trả vào thời điểm nào thì bà không nhớ vì không có viết giấy để hai bên lưu giữ và không ghi sổ theo dõi.

- Giấy mượn tiền nợ huê ghi ngày 26/6/2019 có ghi nội dung cho bà mượn 12.000.000 đồng, ở phần người viết giấy mượn tiền có chữ ký, chữ viết của bà, nhưng khoản nợ này bà không biết.

Bà xác nhận có nợ của bà **Y** số tiền 10.000.000 đồng, còn các khoản nợ khác bà đã trả hết, còn khoản tiền nợ huê thì bà không biết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/DS-ST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147 BLTTDS;

Căn cứ Điều 463; khoản 1, khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Kim Y**.

Buộc bà **Nguyễn Thị Lệ T** phải trả cho bà **Nguyễn Thị Kim Y** cả gốc lẫn lãi là 42.358.400 đồng (*Bốn mươi hai triệu ba trăm năm mươi tám ngàn bốn trăm đồng chẵn*). Trong đó: tiền gốc 32.000.000 đồng, tiền lãi 10.358.400 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chậm trả, án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, bị đơn bà **Nguyễn Thị Lệ T** kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 11/DS-ST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy toàn bộ bản án vì chưa xem xét khách quan toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, chưa làm rõ các vấn đề còn mâu thuẫn.

Tại giai đoạn phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Y không yêu cầu tính lãi chậm trả đối với khoản vay ngày 26/6/2019; Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T xác định hiện còn nợ bà Y số tiền vay gốc là 22.000.000 đồng đối với 2 khoản vay ngày 14/7/2021 và ngày 26/6/2019, các khoản vay khác đã trả xong và không đồng ý trả lãi chậm trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo và yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, đồng ý trả tiền nợ cho bà Y số tiền gốc là 22.000.000 đồng. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Y không yêu cầu tính lãi chậm trả đối với khoản vay ngày 26/6/2019. Đề nghị áp dụng khoản 2 điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ, đã nộp tạm ứng án phí nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” và vụ án thuộc thẩm quyền, phạm vi giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước là đúng quy định theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bên đương sự đều thừa nhận: Bà Nguyễn Thị Kim Y có cho bà Nguyễn Thị Lệ T vay nhiều lần tiền theo các giấy vay tiền lập ngày 26/6/2019, 07/7/2021, 11/7/2021, 14/7/2021; Người vay là T đã ký tên vào các giấy mượn tiền và đã nhận đủ số tiền. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn bà Y xác nhận: các khoản vay trên đều có thời hạn, không tính lãi, cho đến nay bà T chưa trả khoản nợ gốc nào cho bà. Tuy nhiên bị đơn bà T

xác định việc cho vay có thỏa thuận lãi suất 30%/tháng, bà đã trả lãi được 9.000.000 đồng cho khoản vay ngày 14/7/2021, thanh toán xong hai khoản nợ gốc ngày 07/7/2021, ngày 11/7/2021 và trả lãi 6.000.000 đồng; Chứng cứ bà T đưa ra là lời trình bày của bà Phan Ngọc Á.

Quá trình tố tụng Tòa án có nhận được thư gửi qua đường bưu điện ghi tên Phan Ngọc Á, có nội dung trình bày tương tự như ý kiến bà T, tuy nhiên nội dung này chưa được Tòa án xác thực ghi lời khai bà Á nên không đủ yếu tố khách quan để sử dụng làm chứng cứ; Ngoài ra bà T không đưa ra bất kỳ tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc trả lãi và trả nợ gốc này.

Các giấy mượn tiền đều thể hiện có thời hạn và không thỏa thuận lãi suất. cả hai bên đều xác định việc vay nợ đã nhiều năm và liên quan đến vụ việc này đã dẫn đến xảy ra vụ án hình sự, tại Bản án số 38/2022/HS- ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước cũng thể hiện nội dung xác định: “ bà Y cho bà T vay số tiền 20.000.000 đồng từ tháng 7/2021 lâu ngày không trả”, cộng với sự thừa nhận của bà T về khoản vay chưa trả ngày 26/6/2019, như vậy có đủ căn cứ xác định bà T hiện còn nợ bà Y số tiền nợ gốc tổng là 32.000.000 đồng.

Các khoản vay đều có thời hạn, bà T đã vi phạm nghĩa vụ về thời hạn trả tiền. Tại khoản 4 điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền và hai bên không có thỏa thuận về lãi suất nên áp dụng mức lãi suất tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 là 10%/ năm = 0,833%/ tháng.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Y chỉ yêu cầu tính lãi từ tháng 09/2021 đến tháng 03/2024 đối với các khoản vay năm 2021, riêng khoản vay năm 2019 yêu cầu bắt đầu tính lãi từ tháng 9/2019 cho đến tháng 3/2024, đồng ý tính tròn tháng cho các khoản vay là đã có lợi cho bị đơn. Do đó, Bản án sơ thẩm đã xác định tiền gốc, tiền lãi buộc bà T phải trả cho bà Y số tiền là phù hợp theo quy định tại Điều 280, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa bà Y đồng ý không yêu cầu tính lãi đối với khoản vay ngày 26/6/2019, đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 nên chấp nhận.

Như vậy, số tiền lãi chậm trả của khoản vay ngày 07/7/2021, 11/7/2021, ngày 14/7/2021 sẽ được tính như sau: $(20.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\% / \text{tháng} \times 30 \text{ tháng}) = 4.998.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng gốc và lãi bị đơn bà T phải trả cho bà Y là : $32.000.000 \text{ đồng} + 4.998.000 \text{ đồng} = 36.998.000 \text{ đồng}$.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị

đơn bà Nguyễn Thị Lệ T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/DS-ST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

[3] Về án phí:

-Án phí dân sự sơ thẩm: Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng không hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm. Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu 1.850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Y được hoàn lại số tiền 800.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

-Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Lệ T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 353, Điều 357, Điều 463, Điều 468, Điều 469 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/DS-ST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Cụ thể như sau:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Y đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc bà Nguyễn Thị Lệ T có nghĩa vụ phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim Y số tiền 36.998.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu chín trăm chín mươi tám ngàn đồng*); Trong đó: nợ gốc 32.000.000 đồng, nợ lãi 4.998.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

-Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu 1.850.000 đồng (*Một triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm .

H lại cho bà Nguyễn Thị Kim Y số tiền 800.000 đồng (*Tám trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0008287 ngày 21/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Phước.

-Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Lệ T số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004297 ngày 24/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 09/7/2024).

Nơi nhận:

- Dương sự (2);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện Ninh Phước(1);
- Chi cục THADS H. Ninh Phước
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Anh Trang